

Unit 2: HUMANS AND THE ENVIRONMENT

TEST 3

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from that of the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. public B. human C. cutting D. rubbish

A. public: /'pʌblɪk/

B. human: /'hju:mən/

C. cutting: /'kʌtɪŋ/

D. rubbish: /'rʌbɪʃ/

Question 2: A. energy B. organic C. encourage D. average

A. energy: /'enədʒi/

B. organic: /ɔ:'gænɪk/

C. encourage: /ɪn'kʌrɪdʒ/

D. average: /'ævərɪdʒ/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of stress in each of the following questions.

Question 3: A. problem B. lifestyle C. global D. adopt

A. problem: /'prɒbləm/

B. lifestyle: /'laɪfstɑɪl/

C. global: /'glɒəbəl/

D. adopt: /ə'dɒpt/

Question 4: A. activity B. difficulty C. environment D. appliances

A. activity: /æk'tɪvɪti/

B. difficulty: /'dɪfɪkəlti/

C. environment: /ɪn'vaɪrənmənt/

D. appliances: /ə'plaɪənsɪz/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5: We are responsible _____ taking care of the planet and its resources.

A. to

B. of

C. at

D. for

Be responsible for: chịu trách nhiệm cho

Question 6: Eating _____ food helps the environment by reducing pollution.

A. organic

B. electrical

C. fertilized

D. synthetic

Dựa vào nghĩa:

Ăn thực phẩm _____ giúp ích cho môi trường bằng cách giảm ô nhiễm.

A. hữu cơ

B. điện

C. thụ tinh

D. tổng hợp

Question 7: Farmers are supposed to grow crops that _____ the needs of people in a sustainable way.

A. have

B. meet

C. get

D. achieve

Cụm từ: **meet the needs of: đáp ứng như cầu**

Question 8: The rainforest _____ by the wildlife conservationists next year.

A. was protected

B. will be protected

C. is protected

D. were protected

Bị động của thì tương lai đơn.

Question 9: I have already booked the seats. We _____ the environmental event tonight.

A. is going to attend

B. will attend

C. are going to attend

D. will be attending

Sự việc sắp xảy ra có căn cứ ": I have already booked the seats" → đáp án C

Read the following advertisement/announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 10 to 12.

ENERGY-SAVING BULBS!

Brighten Your Home with our Energy-Saving Bulbs!

You can get tons of benefits when using our bulbs, such as:

- Long-Lasting: (10) _____ bulbs last much longer than regular ones.
- (11) _____: Help the planet by using less energy.
- Safe: These bulbs stay cool and reduce the risk (12) _____ fire.

Switch to Energy-Saving Bulbs Today!

Contact information:

☎ [+0356789435](tel:+0356789435)

✉ greenlightcompany@gmail.com

Question 10: **A. This**

B. That

C. These

D. Them

N số nhiều → dùng these

Question 11: **A. Eco-Friendly**

B. Refillable

C. Electrical

D. Global

Dựa vào nghĩa:

A. Thân thiện với môi trường B. Có thể nạp lại C. Điện D. Toàn cầu

Question 12: A. in B. on C. for **D. of**

The risk of: sự nguy hiểm của ...

PRINCIPAL'S ANNOUNCEMENT

I am excited to announce that our school (13) _____ a special workshop on protecting the environment.

Here are the details:

- *Date:* Monday, August 5th
- *Time:* 10:00 AM - 12:00 PM
- *Place:* School Auditorium

During the workshop, we will cover several important topics:

- ✓ *Recycling:* We will learn about how plastic (14) _____, and ways to reduce waste and keep our environment clean.
- ✓ *Saving Water and Energy:* We will talk about easy ways to save water and (15) _____ at home and at school.
- ✓ *Keeping Our School Clean:* We will discuss why it is important to keep our school and surroundings clean.

Question 13: A. will be hosting **B. is going to host** C. are going to host D. will host

ở bên dưới đã có ấn định thời gian cụ thể → đã lên kế hoạch → dùng thì tương lai gần.

Question 14: A. are recycled B. were recycled C. will recycled **D. is recycled**

Câu bị động của thì hiện tại đơn

Question 15: A. lifestyle B. litter C. material **D. energy**

Dựa vào nghĩa:

A. lối sống B. rác thải C. vật chất D. năng lượng

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Question 16:

- i. First, the plastic from these bottles goes to landfills or ends up in the ocean.
- ii. Using single-use bottles has a big drawback because it creates a lot of plastic waste.
- iii. Therefore, using single-use bottles is harmful to our planet.
- iv. Additionally, animals can get hurt by eating or getting stuck in plastic.
- v. This is bad for the environment because plastic does not break down easily.

A. ii – i – v – iv – iii

B. ii – iv – i – ii – iii

C. iii – iv – i – v – ii

D. ii – v – iv – ii – iii

- i. Đầu tiên, nhựa từ những chai này sẽ được đưa đến bãi chôn lấp hoặc trôi ra đại dương.
- ii. Việc sử dụng chai sử dụng một lần có nhược điểm lớn vì tạo ra nhiều rác thải nhựa.
- iii. Vì vậy, sử dụng chai sử dụng một lần có hại cho hành tinh của chúng ta.
- iv. Ngoài ra, động vật có thể bị tổn thương khi ăn phải hoặc bị mắc kẹt trong nhựa.
- v. Điều này có hại cho môi trường vì nhựa không dễ phân hủy.

Câu chủ đề → ý chính đầu tiên → supporting idea cho ý 1 (vì liên quan về nghĩa) → ý chính thứ 2 → câu kết

Question 17:

- i. We learned about recycling paper, plastic, and glass to reduce waste.
- ii. Hi Mom and Dad, I want to tell you about the environmental workshop I attended today at school. It was very interesting!
- iii. The workshop was fun and helpful. We should try some of these things at home too!
- vi. We also talked about saving water and energy, like turning off lights and fixing leaky taps.
- v. Your love,
- iv. Keeping our school clean was another topic, and we learned the importance of throwing trash in bins.

A. ii – vi – iv – i – iii – v

B. ii – v – iv – iii – i – iv

C. ii – iii – i – iv – iv – v

D. ii – i – vi – iv – iii – v

- i. Chúng con đã học về cách tái chế giấy, nhựa và thủy tinh để giảm thiểu rác thải.
- ii. Chào bố mẹ, con muốn kể cho bố mẹ nghe về buổi hội thảo về môi trường mà con đã tham dự hôm nay ở trường. Nó rất thú vị!
- iii. Buổi workshop thật vui và bổ ích. Chúng ta cũng nên thử một số thứ này ở nhà!
- vi. Chúng con cũng nói về việc tiết kiệm nước và năng lượng, như tắt đèn và sửa vòi nước bị rò rỉ.
- v. Tình yêu của ba mẹ,
- iv. Giữ trường học sạch sẽ là một chủ đề khác và chúng tôi đã học được tầm quan trọng của việc vứt rác vào thùng.

Cấu trúc của lá thư → loại đáp án B

Dựa vào nghĩa và cách hành văn ta có thể thấy lần lượt "i", "vi" và "iv" là các ý chính được đề cập.

Đáp án đúng là D

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 23.

Turning off faucets when not using them has many benefits for both the environment and our daily lives. Firstly, (18) _____, which is a precious and limited resource. Every drop saved can make a difference, especially in areas where water is scarce. Secondly, conserving water by turning off faucets reduces the energy needed to pump, heat, and treat water. This, in turn, lowers energy bills and (19) _____, helping combat climate change.

Moreover, turning off faucets prevents leaks and water damage. Leaks can cause mold growth and structural problems in homes, leading to costly repairs. (20) _____, we can avoid these issues. (21) _____, we save money on our water bills. Over time, these savings can add up significantly.

Teaching children the habit of turning off faucets when not in use also promotes a sense of responsibility and awareness about environmental conservation. It encourages them to (22) _____. In conclusion, turning off faucets when not in use is a simple yet effective way to conserve water, save money, protect our homes, and reduce our environmental impact. It's a small habit (23) _____

Reference <https://www.researchgate.net>

- Question 18:** A. it helps conserve water B. it helps prevent water
C. it supports water emission D. it supports water awareness

Dựa vào nghĩa:

- A. nó giúp tiết kiệm nước B. nó giúp ngăn chặn nước
C. nó hỗ trợ phát thải nước D. nó hỗ trợ nhận thức về nước

- Question 19:** A. reduces our awareness B. limits their carbon footprint
C. limits their awareness D. reduces our carbon footprint

- A. làm giảm nhận thức của chúng ta B. hạn chế lượng khí thải carbon của họ
C. hạn chế nhận thức của họ D. giảm lượng khí thải carbon của chúng ta

Loại B và C vì chưa phù hợp về đại từ sở hữu.

Chọn D vì hợp nghĩa

- Question 20:** A. To be mindful of water use B. Before being mindful of water usage
C. By being mindful of water use D. Then being mindful of water usage

- A. Để chú ý đến việc sử dụng nước
B. Trước khi quan tâm đến việc sử dụng nước
C. Bằng cách chú ý đến việc sử dụng nước
D. Sau đó chú ý đến việc sử dụng nước

Dựa vào nghĩa chọn C

- Question 21:** A. Additionally, when we use less water B. However, when we use less water
C. Therefore, when we have more water D. Conversely, when we have more water

- A. Ngoài ra, khi chúng ta sử dụng ít nước hơn B. Tuy nhiên, khi chúng ta sử dụng ít nước hơn

C. Do đó, khi chúng ta có nhiều nước hơn

D. Ngược lại, khi chúng ta có nhiều nước hơn

Dựa vào nghĩa chọn A

Question 22: A. choose stable practices in another areas of their lives

B. adopt sustainable practices in other areas of their lives

C. adopt sustainable practices in others areas of their lives

D. choose stable practices in some area of their lives

A. choose stable practices in another areas of their lives (sai ngữ pháp)

B. adopt sustainable practices in other areas of their lives

C. adopt sustainable practices in others areas of their lives (sai ngữ pháp)

D. choose stable practices in some area of their lives (sai ngữ pháp)

Question 23: A. which can result in big negative changes.

B. that can lead to big positive changes.

C. who can result in big negative changes.

D. whom can lead to big positive changes.

Loại C và D vì không phù hợp về ngữ pháp.

Loại A vì không phù hợp về nghĩa.

DỊCH

Việc tắt vòi khi không sử dụng mang lại nhiều lợi ích cho cả môi trường và cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Thứ nhất, nó giúp tiết kiệm nước, một nguồn tài nguyên quý giá và có hạn. Mỗi giọt tiết kiệm được có thể tạo ra sự khác biệt, đặc biệt là ở những khu vực khan hiếm nước. Thứ hai, tiết kiệm nước bằng cách tắt vòi làm giảm năng lượng cần thiết để bơm, làm nóng và xử lý nước. Ngược lại, điều này giúp giảm hóa đơn năng lượng và giảm lượng khí thải carbon, giúp chống lại biến đổi khí hậu.

Hơn nữa, việc tắt vòi sẽ ngăn ngừa rò rỉ và hư hỏng do nước. Rò rỉ có thể gây ra nấm mốc phát triển và các vấn đề về cấu trúc trong nhà, dẫn đến việc sửa chữa tốn kém. Bằng cách chú ý đến việc sử dụng nước, chúng ta có thể tránh được những vấn đề này. Ngoài ra, khi sử dụng ít nước hơn, chúng ta sẽ tiết kiệm được tiền trên hóa đơn tiền nước. Theo thời gian, những khoản tiết kiệm này có thể tăng lên đáng kể.

Dạy trẻ thói quen tắt vòi khi không sử dụng còn phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường. Nó khuyến khích họ áp dụng các thực hành bền vững trong các lĩnh vực khác của cuộc sống. Tóm lại, tắt vòi khi không sử dụng là một cách đơn giản nhưng hiệu quả để tiết kiệm nước, tiết kiệm tiền, bảo vệ nhà cửa và giảm tác động đến môi trường. Đó là một thói quen nhỏ có thể dẫn đến những thay đổi tích cực lớn.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 24 to 28.

A green (24) _____ means living in a way that is good for the environment. It includes many simple actions that help protect our planet. First, recycling is very important. We can recycle paper, plastic,

glass, and metal. This helps reduce waste and saves (25) _____ resources. Second, saving energy is a big part of a green lifestyle. We can turn off lights when we don't need them and use energy-efficient bulbs. Using less electricity reduces our carbon footprint. Also, using less water is important. We can (26) _____ shorter showers and turn off the tap when brushing our teeth. Fixing leaks also saves a lot of water. Eating green is another way to live a green lifestyle. Eating more vegetables and (27) _____ meat can help the environment because producing meat uses a lot of water and energy. Buying local food also reduces the pollution from transporting food long distances. (28) _____, planting trees and having a garden are great ways to help the environment. Trees produce oxygen and clean the air. A green lifestyle is about making small changes that add up to a big impact. By living green, we can make the world a better place for future generations.

Reference <https://www.yonature.com>

Question 24: A. issue **B. lifestyle** C. transport D. resource

Dựa vào nghĩa:

A. vấn đề B. lối sống C. giao thông D. tài nguyên

A green **lifestyle** means living in a way that is good for the environment. (Lối sống xanh có nghĩa là sống theo cách tốt cho môi trường.)

Question 25: **A. natural** B. naturally C. nature D. naturalism

A. natural (adj) B. naturally (adv) C. nature (n) D. naturalism (n)

Trước danh từ cần tính từ để bổ nghĩa

Question 26: A. have B. get **C. take** D. do

Take shower: đi tắm

Question 27: A. than B. some C. more **D. less**

Dựa vào nghĩa:

A. hơn B. một số C. nhiều hơn D. ít hơn

Question 28: A. Thirdly B. Additionally C. Conversely **D. Lastly**

A. Thứ ba B. Ngoài ra C. Ngược lại D. Cuối cùng

Ý ở cuối đoạn văn, và là ý cuối cùng nên dùng "lastly" là phù hợp nhất

DỊCH

Lối sống xanh có nghĩa là sống theo cách tốt cho môi trường. Nó bao gồm nhiều hành động đơn giản giúp bảo vệ hành tinh của chúng ta. Đầu tiên, tái chế là rất quan trọng. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, thủy tinh và kim loại. Điều này giúp giảm chất thải và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Thứ hai, tiết kiệm năng lượng là một phần quan trọng của lối sống xanh. Chúng ta có thể tắt đèn khi không cần thiết và sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng. Sử dụng ít điện hơn sẽ làm giảm lượng khí thải carbon của chúng ta. Ngoài

ra, sử dụng ít nước hơn cũng rất quan trọng. Chúng ta có thể tắm trong thời gian ngắn hơn và tắt vòi khi đánh răng. Sửa chữa rò rỉ cũng tiết kiệm rất nhiều nước. Ăn xanh là một cách khác để sống một lối sống xanh. Ăn nhiều rau và ít thịt có thể giúp ích cho môi trường vì sản xuất thịt tiêu tốn nhiều nước và năng lượng. Mua thực phẩm địa phương cũng làm giảm ô nhiễm do vận chuyển thực phẩm đường dài. Cuối cùng, trồng cây và có một khu vườn là những cách tuyệt vời để bảo vệ môi trường. Cây tạo ra oxy và làm sạch không khí. Lối sống xanh là thực hiện những thay đổi nhỏ để tạo nên tác động lớn. Bằng cách sống xanh, chúng ta có thể biến thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn cho các thế hệ tương lai.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 29 to 33.

The relationship between humans and the Earth is very important. We depend on the Earth for many things. First, we need clean air to breathe. Trees and plants help keep the air clean by taking in carbon dioxide and giving out oxygen. Second, we need clean water to drink. Rivers, lakes, and oceans provide us with water, so we must keep them clean.

The Earth also gives us food. We grow vegetables, fruits, and grains in the soil. Farmers work hard to produce the food we eat. We must take care of the soil so **it** stays healthy and can keep giving us food.

We also get materials from the Earth to build houses, make clothes, and create tools. We use wood, metal, and stone from the Earth to make the things we need. It is important to use these resources wisely and not waste them.

Humans can harm the Earth by **polluting** the air, water, and soil. This pollution can make it hard for plants, animals, and people to live. Therefore, we must be careful to protect the environment. Recycling, saving energy, and not wasting water are some ways we can help.

In conclusion, humans and the Earth are connected. By taking care of the Earth, we take care of ourselves. It is our home, and we need to protect it for future generations.

Reference: <https://science.nasa.gov>

Question 29: What is the best title of the passage?

- A. The contradiction between humans and the Earth.
- B. Human crimes against the mother Earth.
- C. The unlimited supplies that the Earth gave us.
- D. The relationship between humans and the Earth.**

Tiêu đề hay nhất của đoạn văn là gì?

- A. Sự mâu thuẫn giữa con người và Trái đất.
- B. Tội ác của con người đối với đất mẹ.
- C. Nguồn cung cấp vô tận mà Trái đất đã ban tặng cho chúng ta.
- D. Mối quan hệ giữa con người và Trái đất.

Ở đầu đoạn văn đã đề cập đến "**The relationship between humans and the Earth**". Bên cạnh đó, các ý trong bài văn cũng xoay quanh mối quan hệ giữa con người và Trái Đất.

Question 30: According to the passage, what do the trees absorb?

- A. oxygen B. carbon dioxide C. ozone D. clean air

Theo đoạn văn, cây hấp thụ những gì??

- A. oxy B. carbon dioxide C. ozone D. không khí sạch

Dẫn chứng: Trees and plants help keep the air clean by taking in carbon dioxide and giving out oxygen.

Question 31: What does the word “it” in the 2nd paragraph refer to _____?

- A. farmers B. the Earth C. soil D. food

Question 32: The word “polluting” in the last paragraph is closest in meaning to _____.

- A. contaminating B. littering C. estimating D. adopting

Polluting = contaminating (gây ô nhiễm)

Question 33: According to the passage, we do **NOT** rely on the Earth for _____.

- A. fresh air B. clean water C. materials D. animals

Theo đoạn văn, chúng ta KHÔNG dựa vào Trái đất để có _____

- A. không khí trong lành B. nước sạch C. vật liệu D. động vật

First, we need clean air to breathe. Trees and plants help keep the air clean by taking in carbon dioxide and giving out oxygen. Second, we need clean water to drink.

We also get materials from the Earth to build houses

→ không nhắc đến động vật

DỊCH

Mối quan hệ giữa con người và Trái Đất rất quan trọng. Chúng ta phụ thuộc vào Trái đất về nhiều thứ. Đầu tiên, chúng ta cần không khí trong lành để thở. Cây xanh giúp giữ không khí trong lành bằng cách hấp thụ carbon dioxide và thải ra oxy. Thứ hai, chúng ta cần nước sạch để uống. Sông, hồ và đại dương cung cấp nước cho chúng ta nên chúng ta phải giữ chúng sạch sẽ.

Trái đất cũng cung cấp cho chúng ta thức ăn. Chúng tôi trồng rau, trái cây và ngũ cốc trong đất. Nông dân làm việc chăm chỉ để sản xuất thực phẩm chúng ta ăn. Chúng ta phải chăm sóc đất để nó luôn khỏe mạnh và có thể tiếp tục cung cấp lương thực cho chúng ta.

Chúng ta cũng lấy vật liệu từ Trái đất để xây nhà, làm quần áo và chế tạo công cụ. Chúng ta sử dụng gỗ, kim loại và đá từ Trái đất để tạo ra những thứ chúng ta cần. Điều quan trọng là sử dụng các nguồn tài nguyên này một cách khôn ngoan và không lãng phí chúng.

Con người có thể gây hại cho Trái đất bằng cách gây ô nhiễm không khí, nước và đất. Sự ô nhiễm này có thể gây khó khăn cho thực vật, động vật và con người sống. Vì vậy, chúng ta phải cẩn thận để bảo vệ môi trường. Tái chế, tiết kiệm năng lượng và không lãng phí nước là một số cách chúng ta có thể giúp đỡ.

Tóm lại, con người và Trái đất có mối liên hệ với nhau. Bằng cách chăm sóc Trái đất, chúng ta chăm sóc chính mình. Đó là nhà của chúng ta và chúng ta cần bảo vệ nó cho các thế hệ tương lai.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 34 to 40.

A carbon footprint is the amount of carbon dioxide (CO₂) and other greenhouse gases that we produce through our activities. Every day, we do things that add to our carbon footprint, like driving cars, using electricity, and throwing away trash. These activities release CO₂ into the air, which is bad for the environment. CO₂ and other gases trap heat in the Earth's atmosphere, causing global warming and climate change.

However, we can still practice those to limit our carbon footprint. One way is by using less electricity. We can turn off lights when we leave a room and unplug devices when we are not using **them**. Using energy-efficient light bulbs and **appliances** also helps. Another way to reduce our carbon footprint is by driving less. Walking, biking, or taking public transportation can save a lot of CO₂. Carpooling with friends is another good idea.

Recycling is also important. When we recycle, we use materials again instead of making new ones. This saves energy and reduces the amount of CO₂ released. We can also reduce our carbon footprint by eating less meat. Meat production uses a lot of energy and water. Eating more vegetables and fruits is better for the environment. Also, planting trees is a great way to help. Trees **take in** CO₂ and give out oxygen. By planting more trees, we can reduce the amount of CO₂ in the air.

Reference: <https://www.nationalgeographic.com>

Question 34: What is the main idea of the passage?

- A. The new introduction of carbon footprint.
- B. Ways to minimize of our carbon footprint
- C. Carbon footprints and ways to reduce them.**
- D. The consequences of Carbon footprints.

Ý chính của đoạn văn là gì?

- A. Sự ra đời mới của lượng khí thải carbon.
- B. Các cách để giảm thiểu lượng khí thải carbon của chúng ta
- C. Dấu chân carbon và cách giảm thiểu chúng.
- D. Hậu quả của dấu chân Carbon.

Đoạn 1 là sự giới thiệu về carbon footprint

Đoạn 2 và 3 nói về các cách để có thể giảm thiểu carbon footprint

Question 35: According to the passage, what is a carbon footprint?

- A. the amount of carbon dioxide that we produce through our activities.**
- B. the amount of other greenhouse gases that we breathe in every day.
- C. the proportion of CO₂ and O₂ that trees take in their body every day.
- D. the proportion of harmful gases which humans give out to the environment.

Theo đoạn văn, dấu chân carbon là gì?

- A. lượng carbon dioxide mà chúng ta tạo ra thông qua các hoạt động của mình.**

B. lượng khí nhà kính khác mà chúng ta hít thở hàng ngày.

C. tỷ lệ CO₂ và O₂ mà cây hấp thụ vào cơ thể hàng ngày.

D. tỷ lệ khí độc hại mà con người thải ra môi trường.

Dẫn chứng: A carbon footprint is the amount of carbon dioxide (CO₂) and other greenhouse gases that we produce through our activities.

Question 36: The word “**them**” in paragraph 2 refers to _____.

A. lights

B. devices

C. bulbs

D. ways

We can turn off lights when we leave a room and unplug devices when we are not using **them**. (Chúng ta có thể tắt đèn khi rời khỏi phòng và rút phích cắm các **thiết bị** khi không sử dụng **chúng**.)

Question 37: The phrase “**appliances**” in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

A. devices

B. chemicals

C. emissions

D. computers

Appliances ~ devices (thiết bị)

Question 38: According to the passage, which of the following is **NOT** mentioned?

A. Driving cars can release CO₂ into the air.

B. Using less energy reduces carbon footprint.

C. Taking public transportation creates CO₂.

D. Recycling means that we reuse the materials.

A. Driving cars can release CO₂ into the air. (Every day, we do things that add to our carbon footprint, like driving cars, using electricity, and throwing away trash. These activities release CO₂ into the air)

B. Using less energy reduces carbon footprint. (However, we can still practice those to limit our carbon footprint. One way is by using less electricity.)

C. Taking public transportation creates CO₂.

D. Recycling means that we reuse the materials. (Recycling is also important. When we recycle, we use materials again instead of making new ones.)

Theo đoạn văn, điều nào sau đây **KHÔNG** được đề cập?

A. Lái xe ô tô có thể thải CO₂ vào không khí.

B. Sử dụng ít năng lượng hơn sẽ giảm lượng khí thải carbon.

C. Sử dụng phương tiện giao thông công cộng tạo ra CO₂.

D. Tái chế có nghĩa là chúng ta tái sử dụng vật liệu.

Question 39: The word “**take in**” in the final paragraph is opposite in meaning to _____.

A. absorb

B. consume

C. emit

D. involve

Take in (hấp thụ vào) >< emit (thải ra)

Question 40: It can be inferred from the last paragraph that _____.

A. recycling reduces energy productions and CO₂ emissions.

- B. it requires a lot of energy and water to produce meat.
- C. planting trees is an effective way to clean up the atmosphere.
- D. there are plenty of ways to reduce our carbon footprint.

Có thể suy ra từ đoạn cuối rằng _____.

- A. tái chế làm giảm sản xuất năng lượng và lượng khí thải CO2.
- B. cần nhiều năng lượng và nước để sản xuất thịt.
- C. trồng cây là một cách hiệu quả để làm sạch bầu không khí.
- D. có rất nhiều cách để giảm lượng khí thải carbon của chúng ta. (đoạn cuối liệt kê nhiều cách để giảm lượng khí thải)

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.